**Câu 1**: Một chip nhớ có 12 đường địa chỉ và 8 đường dữ liệu. Cần bao nhiêu chip nhớ này để chế tạo bộ nhớ 8192x16 byte.

Ak \* B => 8192 = A\* 2^10 => A = 8

1. 32 B. 2 C. 16 **D. 8** **E. 4**

**Câu 2**: Trong hệ số đếm cở số r, phương trình x2 - 111x + m = 0 có 2 nghiệm x1 = 13, x2 = 32. Xác định cơ số r (hệ 10) => cho điểm

1. r=6 B. r=9 C. r=5 **D. r=4 E. r=7**

**Câu 3**: Giá trị thanh ghi AX bằng bao nhiêu khi thực hiện các lệnh hợp ngữ sau.

mov ax, 5

push ax

mov ax, 8

push ax

Call func1

func1 proc

push bp

Mov bp, sp

Push dx

Mov ax, [bp+4] ;ax = 8

Sub ax, [bp+6] ; ax = 8 - 5 = 3

Pop dx

Pop bp

Ret 4

func1 endp

A.15 **B. 24** C. 40 D. 65 E. -3 F.3

**Câu 4**: Định vị chỉ mục dùng các thanh ghi nào => si, di, bp, sp

**A.SS, DS** **B. SI,DI**  C.BX,BP D.CS,ZS E.AX,CX

**Câu 5**: Giá trị thanh ghi AX bằng bao nhiêu sau khi thực hiện các lệnh hợp ngữ sau

Mov cx, 55h

Mov ax, cx ; ax = 55h = 85d

Lap:

Mov bx, ax ; bx = ax = 85d

Xor dx, dx ; dx = 0

Mov ax,cx ; ax = cx = 85d

Div bx ; 55h/55h = 1 = ax

Add ax,bx ; ax = 86d

Shr ax,1 ; ax = 86/2 = 43d

Cmp ax,bx ; ax < bx => false => ax = 43d

Jg lap

1. **9** B.3 **C.7** D.5 **E.ko có đáp án**

**Câu 6**: Kiến trúc nào sau đây được dùng để thiết kế cho máy tính điện tử

A.Turing B .SHARC C.SHARON D.Havard **E. Von Neumann**

**Câu 7**: Giá trị thanh ghi AX bằng bao nhiêu sau khi thực hiện các lệnh hợp ngữ sau

A dw 258, 772, 1286, 770, -1

Mov bx, 1

Mov si, 2

Mov ax, a[bv+si]

A.770 **B. 1286**  C.1342 D.1539 E.1541

**Câu 8**: Giá trị thanh ghi AX bằng bao nhiêu khi thực hiện các lệnh hợp ngữ sau:

Mov ax, 10h = 16d

Mov bx, 101b = 5d

Mul bx ; ax = 16\*5 = 80

**A.80**  **B.10** C.50 D.65 E.21

**Câu 9**: Định vị cơ sở dùng các thanh ghi nào: ;

A.SI, DI **B.BX, BP** **C.AX, CX** D.SS, DS E.CS,ES

**Câu 10**: Cho F(ABCD) là hàm bool với A là MSB. Công thức nào sau đây là sai?

A.A+F(ABCD) = A+F(0,BCD) B.F(ABCD) = {A+F(1,BCD)}\*{A’+F(0, BCD)}

**C.F(ABCD) = {A+F(1, BCD)}\*{A’+F(1,BCD)}** D.A\*F(ABCD) = A\*F(ABCD)

E.F(ABCD) = A\*F(1, BCD) + A’\*F(0, BCD)

**Câu 11**: CHo a,b,c,s là 4 biến kiểu word. Các lệnh hợp ngữ sau tính giá trị biểu thưc nào?

Push c

Push a

Push b

Call myfun

Mov s, ax

Myfun

Push bp

Mov bp, sp

Mov ax, [bp+4]

Sub ax, [bp+6]

Add ax, {bp+8]

Pop bp

Ret 6

Sum ENDP

A.s=b-a-c B.s=a-c+b **C.s=b-a+c** D.s=c-b-a **E.s=a+c-b**

**Câu 12**: Chp n,s là 2 biến kiểu Word. Các lệnh hợp ngữ sau tính giá trị biểu thức nào?

Mov cx, n

Mov bc, x

Mov ax, 10b

Lap:

Mul bx

Loop lap

Mov s, ax

**A.s=nx** B.s=n! **C.s=xn**  D.s=2xn E.s=2nx

**Câu 13**: Trong hệ số đếm cơ số r, phương trình x2 - 111x + m có 2 nghiệm x1 = 13, x2 = 32. Xác định giá trị của m (hệ r)

A.M=3373 B.m= 4233 **C.m=1202** D.m=1232 E.m=1540

**Câu 14**: Cho số thực z= -2098.8125. Xác định biểu diễn nhị phân của z biết z là số thực kiểu float 32bit.

**A.z=1100 0101 0000 0011 0010 1101 0000 0000**

B.z=1100 0101 0011 1011 0110 1101 0000 0000

C.z=1100 0101 0001 0011 1000 1101 0000 0000

D.Z=1100 0101 0000 1011 0110 1011 0000 0000

**E.Z=1100 0101 0010 1010 1110 1011 0000 0000**

**Câu 15**: Rút gọn hàm Bool F(ABCD) = ∑(1,3,5,7,12,13,20,21,28,29)

A.F(ABCD)=A’BC + D”E B. F(ABCD)= A’B’E + CD’

C.F(ABCD)= A’BE + C’D **D.F(ABCD)=A’D’E+BC’**

**E.F(ABCD)=A’B’C + D’E’**

**Câu 16**: Một chip nhớ có 12 đường địa chỉ và 8 đượng dữ liệu. Dung lượng của chip nhớ này là:

Format: 2^n \* m (bit) = dung luong chip

n: duong dia chi  
m : duong du lieu

=> 2^12\*8 = 32768 bit = 4096byte = 4kb

A.8kilobit **B.4kilobyte** **C.32kilobyte** D.4kilobit E.2kilobyte

**Câu 17**: Giá trị của thanh ghi AX bằng bao nhiêu sau khi thực hiện các lệnh hợp ngữ sau:

Mov ax, 2Dh = 45

Mov cx, 11110b = 30

While:

Jcxz endw

Xor dx, dx ; cx != 0 ; cx =15 != 0 ;cx=0 == 0

Div cx ; ax = 1 dx= 15 ; ax=2 dx = 0

Mov ax, cx ; ax = 30 ; ax = 15

Mov cx, dx ;cx = 15 ; cx = 0

Jmp while ;

Endw:

A.60 **B.45**  C.30 **D.90** E.15

**Câu 18**: Một JK-FF nếu chập 2 tín hiệu J và K lại thì JK-FF trở thành

**A.SR-FF** B.D-FF C.SR-latch D.D-latch **E.T-FF**

**Câu 19**: Cho hàm Bool F(ABCDE) = A’B’E + C’D’ (A là MSB)

A.F(ABCDE)=∑(1,3,5,6,7,14,15,22,23,30,31)

B.F(ABCDE)=∑(2,4,5,6,7,10,14,18,22,16,30)

C.F(ABCDE)=∑(0,1,3,5,7,8,9,16,,17,24,25)

**D.F(ABCDE)=∑(3,4,5,6,7,8,9,16,17,24,25)**

E.F(ABCDE)=∑(0,1,2,3,7,11,15,19,23,27,31)

**Câu 20**: Mạch cộng trừ song song có thể hiện được bằng cách

**A.Ghép mạch cộng bán phần và cổng AND**

B.Ghép mạch cộng bán phần và cổng NOT

C.Ghép mạch cộng toàn phần và cổng XOR

**D.Ghép mạch cộng toàn phần và cổng OR**

E.Ghép mẹch cộng tbán phần và cổng NAND

**Câu 21**: Giá trị của thnah ghi AX bằng bao nhiêu au khi thực hiện các lệnh hợp ngữ sau:

Mov ax, -73

And ax, 0FFh

Mov c1, 3

Shr ax, c1

Or ax, 5

**A.13** B.2 C.7 **D.3**  E.4

**Câu 22**: Cho a, b, c là 3 biến kiểu Word. Các lệnh hợp ngữ sau tính gái trị biểu thức nào

Mov bx, c bx=c

Mov cx, 258 cx = 258

Shl bx, 1 bx=2c

Mov ax, a ax =a

Mul b ax=ab

Sub ax, bx ax = ab-2c

Mul b

Mov c, ax

A.c=(a\*b-4\*c)\*b **B.c=(4\*c-a\*b)\*a.**  **C.c=(a\*b-8\*c)\*c**

D.c=(a\*b-8\*c)\*a E.c=(4\*b-a\*c)\*b

**Câu 23**: Cho z là số thực kiểu float 32 bit và biểu diễn nhị phan của z= 1100 0101 0000 0010 1001 1111 0000 0000

Xác định giá trị của z trong hệ thập phân

**A.z=-2786.6875**  B.z=-2089.9375 C.z=-2998.9375

**D.z=-2415.8125**  E.z=-2098.5625

**Câu 24**: Giá trị thanh ghi AX bằng bao nhiêu khi thực hiện các lệnh hợp ngữ sau:

Mov ax, 6551B =415003

Test ax, 8000h

Jz exit

Not ax

Inc ax

Exit:

A.28 B.65 **C.665** D.18 E.518

**Câu 25**: Bộ vi xửu lí intel 8086 có 20 đường địa chỉ và 16 đường dữ liệu. Dung lượng bộ nhớ vật lí mà bộ vi xử lí này có thể định vị được là = 2^20 \* 16 = 16777216bit=2097152byte= 2048KB=2mb

A.1kilobyte **B.64kilobyte** C.1gigabyte **D.1megabyte** E.64kilobit

**Câu 26**: Bộ nhớ nào sau đay là bộ nhớ có thể lập trình bằng điện tử

A.EPROM **B.EEPROM** C.PROM D.DRAM E.SRAM

**Câu 27**: Bộ nhớ nào sau đây quyết định lệnh nhảy không có dấu

**A.CF, ZF** B.AF,PF **C.AF,DF,IF** D.SF,OF,ZF E.IF,DF

**Câu 28**: Gái trị thnah ghi AX bằng bao nhiêu sau khi thực hiện các lệnh hợp ngữ sau:

Xor ax ax

Mov bx, 28h

Mov cx, 101b

Lap:

Cmp bx,cx

Jb exit

Sub bx, cx

Inc ax

Jmp lap

Exit:

A.4 **B.8** C.5 D.3 **E.7**

**Câu 29**: Giá trị thanh ghi AX bằng bao nhiêu sau khi thực hiện các lệnh hợp ngữ sau

a dw 4,6,8,9,15

n dw 5

Mov ax,3

Push ax

Mov ax,n

Push ax

Mov ax, offset a

Push ax

Push ax

Call func1

func1 proc

Push bp

Mov bp,sp

Push bx

Push cx

Push dx

Push si

Push di

Mov bx, [bp+4]

Xor cx, cx

Xor si,si

Mov di,[bp+8]

While:

Cmp cx, [bp+6]

Jae endw

Mov ax,[bx]

Xor dx,dx

Div di

Or dx,dx

Jne ignore

Add si,ax

Ignore:

Inc cx

Add bx,2

Jmp while

Endw:

Mov ax,si

Pop di

Pop si

Pop dx

Pop cx

Pop bx

Pop bp

Ret 4

func1 endp

A.2 B.8 **C.10**  **D.6** E.4

**Câu 30**: Giá trị thanh ghi AX bằng bao nhiêu sau khi thực hiện các lệnh hợp ngữ sau;

Xor ax,ax

Mov bx, 65513

Neg bx

While:

Or bx, bx

Je endw

Test bx,1

Je fail

Inc ax

Fail:

Shr bx, 1

Jmp while

Endw:

A.2 B.3 **C.7**  **D.13** E.4

**Câu 31**: giá trị thanh ghi ax bằng bao nhiêu sau khi thực hiện các lệnh hợp ngữ sau:

Mov ax,10h

Mov bh,101b

Div bh

A.329 **B.256** **C.3**  D.259 E.301

**Câu 32**: Các cờ nào sau đây quyết định lệnh nhảy không dấu?

A.AF,PF B.AF,DF,IF C.SF,OF,ZF **D.IF,DF**  **E.CF,ZF**

**Câu 33**: Trong hệ số đếm cở số r, phương trình x2 - 122x + m = 0 có 2 nghiệm x1 = 43, x2 = 24. Xác định cơ số r (hệ 10)

A.r=6 B. r=9 **C. r=5**  D. r=4 E. r=7

**Câu 34**: Trong bộ vi xử lý Intel 8086, nhóm các thanh ghi đa dạng mã mỗi thanh ghi 16 bit có thể tách thành 2 thanh ghi 8 bit là:

A.IP, Flags B.BX, BP, SI, DI **C.AX, BX, CX, DX**  D.BP, DI, SI, SP E.CS, DS, ES, SS

**Câu 35**: IC 74LS138 là mạch giải mã 3 ra 8. Để tạo mạch giải mã 4 ra 16, cần bao nhiêu IC 74LS138

A.8 **B.2**  C.3 D.1 E.4

**Câu 36**: Giá trị thanh ghi AX bằng bao nhiêu sau khi thực hiện các lệnh hợp ngữ sau

Mov ax, 11h

Mov bh, 101b

Div bh

A.203 B.165 C.305 **D.329**  **E.515**

**Câu 37**: Giá trị thanh ghi AX bằng bao nhiêu sau khi thực hiện các lệnh hợp ngữ sau

Xor ax, ax

Mov bx, 2Bh

Mov cx, 101b

Lap:

Cmp bx, cx

Jb exit:

Sub bx, cx

Inc ax

Jmp lap

Exit:

A.4 B.5 C.3 D.7 **E.8**

**Câu 38**: Bộ vi xử lí có 24 đường địa chỉ và 16 đường dữ liệu. Dung lượng bộ nhớ vật lí mà bộ vi xử lí này có thể định vị được là

**A.16 megabyte** B.16 kilobyte C.1 gigabyte D.1megabyte E. 64kilobyte

**Câu 39**: Trong bộ vi xử lý Intel 8086, bộ nhớ vật lý được chia thành:

A.Các table B.Các page **C.Các segment** D.Các tuple E.Các frame

**Câu 40**: Giá trị thanh ghi AX bằng bao nhiêu sau khi thực hiện các lệnh hợp ngữ sau

Mov ax, 11h

Mov bx, 101b

Mul bx

**A.85** B.50 C.65 D.21 E.15

**Câu 41**: Giá trị thanh ghi AX bằng bao nhiêu sau khi thực hiện các lệnh hợp ngữ sau

Mov ax, -175

And ax, 0FFh

Mov cl, 3

Shr ax, 5

**A.15**  B.21 C.13 D.71 E.35

**Câu 42**: Giá trị thanh ghi AX bằng bao nhiêu sau khi thực hiện các lệnh hợp ngữ sau

Mov ax, -256

Xchg ah, al

A.511 B.611 **C.255** D.552 E.512

**Câu 43**: Một ô nhớ có địa chỉ tương đối 8888h8888h. Địa chỉ vật lý của ô nhớ này là:

A.91898h B.97888h C.81988h **D.91108h** E.97768h

**Câu 44:** Một chip nhớ có 11 đường địa chỉ và 8 đường dữ liệu. Cần bao nhiêu chip nhớ này để chế tạo bộ nhớ 8192x16 byte.

**A.32** **B. 2** C. 16 D. 8 E. 4